

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 27/2019/HC-ST
Ngày : 03 - 7 - 2019
V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Bà Huỳnh Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn Trình – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 23/2019/TLST-HC ngày 26 tháng 02 năm 2019 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HC ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị N – Sinh năm: 1923

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Văn T – Sinh năm: 1969; đồng trú tại: Khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N. (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 17/7/2018 tại Văn phòng công chứng H, tỉnh Bình Định)

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Chí C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 10/GUQ-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 16/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định)

2. Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn T – Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

3. Bà Trần Thị M – Sinh năm: 1947; (Vắng mặt)

4. Bà Trần Thị C – Sinh năm: 1950; (Vắng mặt)

5. Bà Trần Thị M – Sinh năm: 1957; (Vắng mặt)

6. Ông Trần Văn T – Sinh năm: 1969; (Có mặt)

Đồng trú tại: Khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

7. Ông Trần Long B – Sinh năm: 1959; (Vắng mặt)

Trú tại: Khối 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

8. Ông Trần Văn M – Sinh năm: 1967; (Vắng mặt)

Trú tại: Khối 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

9. Bà Trần Thị S - Sinh năm: 1957; (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định.

10. Ông Trần Văn N - Sinh năm: 1952; (Vắng mặt)

Trú tại: Khu phố 1, T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, ông Trần Văn T trình bày:

Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là QĐ 332) và Quyết định số 10050/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là QĐ 10050); bởi lẽ:

- 04 thửa đất số 150, 151, 146 và 147, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là thửa đất số 150, 151, 146 và 147) thuộc đất tư của bà N.

- Việc Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND thị trấn T) cho rằng đã hoán đổi thửa đất khác cho gia đình bà và cung cấp thông tin cho Tòa án tại các biên bản ngày 27/11/2012, 19/8/2015 và 21/9/2015 là không đúng, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nôm.

Ngoài ra, bà N và ông T không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao các quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác và không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Chí C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:

Trong thời kỳ Pháp thuộc, vợ chồng bà N có mua của vợ chồng ông Lê Cương P, bà Võ Thị C thửa đất diện tích 03 sào và mua của vợ chồng ông Nguyễn X, bà Huỳnh Thị H thửa đất có diện tích 01 sào 10 thước; hai thửa đất này tọa lạc tại khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. Sau khi mua đất, gia đình bà N liên tục sử dụng, canh tác đến sau năm 1975 và trên đất bà có trồng 30 cây dừa.

Trong quá trình thực hiện chính sách cải tạo ruộng đất của nhà nước, bà N và Hợp tác xã nông nghiệp TQB đã hoán đổi đất vào năm 1976. Bà N nhận các thửa đất tại vùng ruộng có tục danh gò đá thuộc khối 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; còn thửa đất số 942, tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 1984) nay là các thửa đất số 150, 151, 146 và 147 (VN 2000) bà N không sử dụng mà do Hợp tác xã nông nghiệp TQB quản lý, đăng ký kê khai; việc hoán đổi đất có lập biên bản nhưng hiện nay biên bản bị thất lạc.

Năm 1993, hộ bà N có đơn đăng ký ruộng đất 02 thửa đất số 1017 và 887, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (bản đồ năm 1997) và đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND huyện H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Sổ mục kê xã T (quyển số 01) và Sổ Địa chính thôn A, xã T (quyển số 01 và 02), thửa đất số 942, tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 1984) được đo đạc chỉnh lý thành 04 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1997); cụ thể:

- Thửa 1055, diện tích 352m², đất trồng lúa. Ngày 10/11/1993, hộ bà Cao Thị T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00465). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ tọa độ VN 2000 thành thửa 151, tờ bản đồ số 27, diện tích 585,7m² đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa 1056, diện tích 512m², đất trồng lúa. Ngày 12/11/1993, hộ ông Dương Văn T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00201). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ tọa độ VN 2000 thành thửa 150, tờ bản đồ số 27, diện tích 574,1m² đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa 1058, diện tích 552m², đất trồng lúa. Ngày 15/10/1993, hộ bà Phạm Thị H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00016). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ tọa độ VN 2000 thành thửa 147, tờ bản đồ số 27, diện tích 524,1m² đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa 1059, diện tích 272m², đất trồng lúa. Ngày 31/9/1995, hộ bà Huỳnh Thị T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00514). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ tọa độ VN 2000 thành thửa 146, tờ bản đồ số 27, diện tích 306,6m² đất trồng cây hàng năm khác.

Bà N kiện đòi các hộ ông Dương Văn T, bà Cao Thị T, bà Huỳnh Thị T, bà Phạm Thị H trả lại các thửa đất thửa đất nói trên; tại các Bản án số 145/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Bản án số 14/2016/DS-ST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đều tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện nói trên của bà N.

Hiện nay, các hộ ông Dương Văn T, bà Cao Thị T, bà Huỳnh Thị T, bà Phạm Thị H đang sử dụng ổn định các thửa đất số 150, 151, 146 và 147.

Bà Lê Thị N khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND thị trấn T) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là Chủ tịch UBND huyện H) vì cho rằng 04 thửa đất số 150, 151, 146 và 147 thuộc đất tư của bà N; việc UBND thị trấn T cho rằng đã hoán đổi thửa đất khác cho gia đình bà và cung cấp thông tin cho Tòa án tại các biên bản ngày 27/11/2012, 19/8/2015 và 21/9/2015 là không đúng, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nôm là không có căn cứ.

Các QĐ 332 và QĐ 10050 bác khiếu nại của bà Nôm là đúng quy định; do đó, Chủ tịch UBND huyện H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N hủy các quyết định nói trên.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND huyện H không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

3. Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hoàng N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:

Chủ tịch UBND thị trấn T và Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND thị trấn T) thống nhất như trình bày của Chủ tịch UBND huyện H.

Các QĐ 332 và QĐ 10050 bác khiếu nại của bà N là đúng quy định; do đó, Chủ tịch UBND thị trấn T và UBND thị trấn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nôm hủy các quyết định nói trên.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND thị trấn T và UBND thị trấn T không có trình bày hoặc yêu cầu nào khác.

4. Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Mai Văn T – Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:

Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là HTX thị trấn T) thống nhất như nội dung trình bày của Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND thị trấn T.

HTX thị trấn T được tách ra từ Hợp tác xã nông nghiệp TQB vào năm 1987. Trong quá trình thực hiện chính sách cải tạo ruộng đất của nhà nước, bà Lê Thị N và Hợp tác xã nông nghiệp TQB đã hoán đổi đất vào năm 1976. Bà N nhận các thửa đất tại vùng ruộng có tục danh gò đá thuộc khối 8, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; còn thửa đất số 942, tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 1984) nay là các thửa đất số 150, 151, 146 và 147, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại

khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (VN 2000) bà N không sử dụng mà do Hợp tác xã nông nghiệp TQB quản lý, đăng ký kê khai; việc hoán đổi đất có lập biên bản nhưng hiện nay biên bản bị thất lạc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nôm, HTX thị trấn T không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định. Ngoài ra, HTX thị trấn T không có yêu cầu độc lập hoặc trình bày nào khác.

5. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M, bà Trần Thị C, bà Trần Thị M, ông Trần Văn T, ông Trần Long B, ông Trần Văn M, bà Trần Thị S và ông Trần Văn N thống nhất trình bày:

Các ông bà là con của bà Lê Thị N; các ông bà thống nhất như trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà N. Ngoài ra, các ông bà không có yêu cầu độc lập hoặc trình bày nào khác.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu Tòa án hủy các QĐ 332 và QĐ 10050.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; những người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có các yêu cầu độc lập nào khác.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính đề Hội đồng xét xử xem xét, quyết định đối với yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị N theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 01/7/2019, ông Nguyễn Chí C – Phó Chủ tịch UBND huyện H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ngày 01/7/2019, ông Nguyễn Hoàng N – Phó Chủ tịch UBND thị trấn T có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn T – Giám đốc HTX thị trấn T, bà

Trần Thị M, bà Trần Thị C, bà Trần Thị M, ông Trần Long B, ông Trần Văn M, bà Trần Thị S và ông Trần Văn N đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 157, 158 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các QĐ 332 và QĐ 10050.

Các QĐ 332 và QĐ 10050 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Vào các ngày 20/6/2018 và ngày 22/02/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của bà N yêu cầu Tòa án hủy các QĐ 332 và QĐ 10050. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của bà N là trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của các QĐ 332 và QĐ 10050:

[2.1] Xét tính hợp pháp về hình thức của quyết định nói trên: Căn cứ quy định tại các Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011 thì hình thức văn bản của các QĐ 332 và QĐ 10050 được ban hành đúng quy định.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của các quyết định nói trên:

Bà N khiếu nại Chủ tịch UBND thị trấn T và Chủ tịch UBND huyện H xem xét việc UBND thị trấn T cung cấp thông tin không chính xác cho Tòa án liên quan đến các thửa đất số 150, 151, 146, 147 và UBND thị trấn T đã hoán đổi thửa đất khác cho gia đình bà dẫn đến việc Tòa án nhân dân các cấp xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà về việc kiện đòi các hộ ông Dương Văn T, bà Cao Thị T, bà Huỳnh Thị T, bà Phạm Thị H đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất nói trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, vợ chồng bà N có mua của vợ chồng ông Lê Cương P, bà Võ Thị C thửa đất diện tích 03 sào và mua của vợ chồng ông Nguyễn X, bà Huỳnh Thị H thửa đất có diện tích 01 sào 10 thước; hai thửa đất này tọa lạc tại khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. Sau khi mua đất, gia đình bà N liên tục sử dụng, canh tác đến sau năm 1975 và trên đất bà có trồng 30 cây dừa. Trong quá trình thực hiện chính sách cải tạo ruộng đất của nhà nước, bà N và Hợp tác xã nông nghiệp TQB đã hoán đổi đất vào năm 1976. Bà N nhận các thửa đất tại vùng ruộng có tục danh gò đá thuộc khối 8, thị trấn T, huyện H,

tỉnh Bình Định; còn thửa đất số 942, tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 1984) nay là các thửa đất số 150, 151, 146 và 147 (VN 2000) bà N không sử dụng mà do Hợp tác xã nông nghiệp TQB quản lý, đăng ký kê khai; việc hoán đổi đất có lập biên bản nhưng hiện nay biên bản bị thất lạc.

Năm 1993, hộ bà N có đơn đăng ký ruộng đất 02 thửa đất số 1017 và 887, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại khối 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (bản đồ năm 1997) và hiện nay, đã được UBND huyện H cấp đổi thành các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02242 và H02241 ngày 26/9/2007.

Theo Sổ mục kê xã T (quyển số 01) và Sổ Địa chính thôn A, xã T (quyển số 01 và 02), thửa đất số 942, tờ bản đồ số 10 (bản đồ năm 1984) được đo đạc chỉnh lý thành 04 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1997); cụ thể:

- Thửa 1055, diện tích 352m², đất trồng lúa. Ngày 10/11/1993, hộ bà Cao Thị T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00465). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 151, tờ bản đồ số 27, diện tích 585,7m² đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa 1056, diện tích 512m², đất trồng lúa. Ngày 12/11/1993, hộ ông Dương Văn T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00201). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 150, tờ bản đồ số 27, diện tích 574,1m² đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa 1058, diện tích 552m², đất trồng lúa. Ngày 15/10/1993, hộ bà Phạm Thị H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00016). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 147, tờ bản đồ số 27, diện tích 524,1m² đất trồng cây hàng năm khác.

- Thửa 1059, diện tích 272m², đất trồng lúa. Ngày 31/9/1995, hộ bà Huỳnh Thị T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa đất nói trên và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã T thống nhất, đề nghị UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/1997 (số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00514). Ngày 26/9/2007, UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 146, tờ bản đồ số 27, diện tích 306,6m² đất trồng cây hàng năm khác.

Bà N kiện đòi các hộ ông Dương Văn T, bà Cao Thị T, bà Huỳnh Thị T, bà Phạm Thị H trả lại các thửa đất thừa đất nói trên; tại các Bản án số 145/2015/DS-ST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Bản án số 14/2016/DS-ST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đều tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện nói trên của bà N. Hiện nay, các hộ ông Dương Văn T, bà Cao Thị T, bà Huỳnh Thị T, bà Phạm Thị H đang sử dụng ổn định các thửa đất số 150, 151, 146 và 147; các bản án nói trên đã có hiệu lực pháp luật, cho nên việc UBND thị trấn T cung cấp thông tin tại các biên bản ngày 27/11/2012, 19/8/2015 và 21/9/2015 là đúng theo thực tế.

Từ những căn cứ nói trên, nội dung các QĐ 332 và QĐ 10050 về việc bác yêu cầu khiếu nại của bà N là đúng quy định.

[3]. Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các QĐ 332 và QĐ 10050:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành: Các QĐ 332 và QĐ 10050 là quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 và lần 2 trong lĩnh vực quản lý đất đai khi người khiếu nại bà Lê Thị N khiếu nại yêu cầu xem xét việc UBND thị trấn T cung cấp thông tin không chính xác cho Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Nguyễn Chí C – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) và ông Trương Đức C – Chủ tịch UBND thị trấn T ký ban hành các quyết định nói trên là phù hợp.

[3.2] Về trình tự, thủ tục ban hành các QĐ 332 và QĐ 10050 là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 29, 30, 32, 36, 38, 39, 41 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011.

[4]. Thời hiệu và thời hạn ban hành các QĐ 332 và QĐ 10050 là phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu Tòa án hủy các QĐ 332 và QĐ 10050.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ vào quy định của Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định và Quyết định số 10050/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị N không phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải